



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

(Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành

Trụ sở chính: 82-84 Calmette, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: 08.38227788

Fax: 08.38295060

Mã số doanh nghiệp: 0301171827 do P. Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư Tp.HCM cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 10/12/2015.

Mã chứng khoán: BTV

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/5/2018;
- Căn cứ Phiếu lấy ý kiến của các cổ đông.

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở văn phòng Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành, chúng tôi gồm:

- | | |
|------------------------------|---------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Ngọc Châu, | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Vũ Đình Quân, | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Hoàng Tâm Hòa, | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Nguyễn Phước Bảo Anh, | Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Đặng Thanh Hải, | Thành viên HĐQT |
| 6. Ông Nguyễn Minh Hùng, | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 7. Ông Thái Minh Duy, | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 8. Bà Đinh Thị Hồng Vân | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 9. Bà Trần Thị Thùy Trang, | Thư ký HĐQT |

Cùng tiến hành kiểm phiếu lấy ý kiến bằng văn bản của cổ đông ngày 12/4/2019.

I. Mục đích

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành (“Công ty”) trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua các vấn đề sau đây:

1. Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2018
2. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty

II. Kết quả lấy ý kiến như sau:

Chủ tịch HĐQT Công ty đã gửi Phiếu lấy ý kiến cổ đông ngày 12/4/2019 đến các cổ đông theo danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 10/4/2019 do Trung tâm



Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp để thông qua Quyết định của ĐHĐCĐ về nội dung trên;

Kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Số phiếu	Số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng	Tỷ lệ/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (%)
1	Số phiếu phát ra	172	24.985.500	100
2	Số phiếu thu về	63	24.603.880	98,473
	Trong đó			
2.1	Số phiếu hợp lệ	60	24.596.980	98,445
2.2	Số phiếu không hợp lệ	03	6.900	0,028

Trong những phiếu hợp lệ thì:

	Nội dung	Phiếu tán thành	Phiếu không tán thành	Phiếu không có ý kiến
2.2.1	Nội dung 1			
	Số phiếu	50	1	9
	Số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng	24,570,290	11,790	14,900
	Tỷ lệ/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (%)	98.34	0.05	0.06
2.2.2	Nội dung 2	0	0	0
2.2.3	Số phiếu	51	1	8
	Số cổ phần có quyền biểu quyết tương ứng	24,570,790	11,790	14,400
	Tỷ lệ/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (%)	98,34	0.05	0.06

III. Kết luận

Căn cứ Điều 23 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành,

Căn cứ kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến,

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung cụ thể như sau:

1. Thống nhất về việc chấp thuận điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 với những nội dung cụ thể sau:

TT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2018	ĐIỀU CHỈNH
1	Lợi nhuận trước thuế	28.000.000.000	14.886.909.000
2	Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	6%	0%
3	Tỷ lệ chia cổ tức(*)	7%	5%

(*) Để đảm bảo thực hiện chia cổ tức theo tỷ lệ 5%, Hội đồng quản trị đề nghị sử dụng một phần khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tại ngày 31/12/2017.

2. Thống nhất thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty, sửa đổi Khoản 1 Điều 4 Điều lệ của Công ty về ngành nghề đăng ký kinh doanh, cụ thể như sau:

1. **Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:**

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú
1.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và quyết định 79/2009/QĐ-UBND của UBND Thành phố về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)	4721	
2.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và quyết định 79/2009/QĐ-UBND của UBND Thành phố về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)	4722	
3.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990	
4.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (không hoạt động tại trụ sở)	4322	
5.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo (không hoạt động tại trụ sở)	1073	
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (không hoạt động tại trụ sở)	4631	
7.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Nuôi trồng nông, thủy sản kết hợp du lịch sinh thái (theo mô hình kinh tế trang trại). Câu lạc bộ đờn ca tài tử. Kinh doanh phòng hát karaoke. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh); Kinh doanh khu vui chơi giải trí (đạp vịt, tắm phao trên sông, trò chơi dân gian,...) và không hoạt động tại trụ sở.	9329	
8.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1020	
9.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724	
10.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723	



11.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759	
12.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận chuyển khách du lịch đường bộ	4932	
13.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021	
14.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022	
15.	Sản xuất rượu vang (không hoạt động tại trụ sở)	1102	
16.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở)	1621	
17.	Hoạt động chiếu phim	5914	
18.	Bán buôn gạo (không hoạt động tại trụ sở)	4631	
19.	In ấn	1811	
20.	Dịch vụ liên quan đến in	1812	
21.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931	
22.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	
23.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621	
24.	Cho thuê xe có động cơ	7710	
25.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741	

2. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú
1.	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác; Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh; Bán buôn mật ong</i>	4632	
2.	Bán buôn đồ uống <i>Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn</i>	4633	
3.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại; Bán lẻ hàng hóa phi lương thực, thực phẩm chưa được phân vào nhóm nào; Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác; Bán lẻ kính đeo mắt, kể cả các hoạt động phục vụ cho việc bán lẻ kính mắt như đo độ cận, độ viễn, mài lắp kính; Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức; Bán lẻ tem (không hoạt động tại trụ sở)</i>	4773	

4.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>Chi tiết: Mua bán hàng nông sản; lương thực: lúa mì – bột mì; hoa và cây cảnh (không hoạt động tại trụ sở)</i>	4620	
5.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) <i>Chi tiết: Dịch vụ tắm quất, xông hơi, xoa bóp, đấm lưng, vật lý trị liệu (không hoạt động tại trụ sở)</i>	9610	
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng, phụ kiện ngành may, thiết bị, máy móc ngành ảnh; Mua bán thiết bị xử lý nước (không hoạt động tại trụ sở)</i>	4659	
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá <i>Chi tiết: Đại lý thu đổi ngoại tệ, kiều hối; Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa</i>	4610	
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết: Mua bán đồ điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, bếp gà, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao, mỹ phẩm; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm</i>	4649	



*** Các ngành nghề khác đã đăng ký kinh doanh giữ nguyên không đổi.

Biên bản được lập thành hai (02) bản chính, mười hai (12) bản sao có đóng dấu Công ty. Bản chính được lưu giữ tại trụ sở Công ty, các bản sao được chuyển cho các thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát và các đơn vị có liên quan.

Cuộc họp kiểm phiếu kết thúc cùng ngày.

VŨ ĐÌNH QUÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NGỌC CHÂU
CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN MINH HÙNG
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TRẦN THỊ THÙY TRANG
THƯ KÝ

SỐ: 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 5 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH BẾN THÀNH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành (“Công ty”);
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản ngày 08/5/2019;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 với những nội dung cụ thể sau:

TT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2018	ĐIỀU CHỈNH
1	Lợi nhuận trước thuế	28.000.000.000	14.596.753.000
2	Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	6%	0%
3	Tỷ lệ chia cổ tức(*)	7%	5%

(*) Để đảm bảo thực hiện chia cổ tức theo tỷ lệ 5%, chấp thuận sử dụng một phần khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế tại ngày 31/12/2017.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý đạt: 98,34% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 2. bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty, sửa đổi Khoản 1 Điều 4 Điều lệ của Công ty về ngành nghề đăng ký kinh doanh, cụ thể như sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú
1.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và quyết định 79/2009/QĐ-UBND của UBND Thành phố về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)	4721	
2.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và quyết định 79/2009/QĐ-UBND của UBND Thành phố về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)	4722	
3.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990	
4.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (không hoạt động tại trụ sở)	4322	



5.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo (không hoạt động tại trụ sở)	1073	
6.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì (không hoạt động tại trụ sở)	4631	
7.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Nuôi trồng nông, thủy sản kết hợp du lịch sinh thái (theo mô hình kinh tế trang trại). Câu lạc bộ đờn ca tài tử. Kinh doanh phòng hát karaoke. Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh); Kinh doanh khu vui chơi giải trí (đạp vịt, tắm phao trên sông, trò chơi dân gian,...) và không hoạt động tại trụ sở.	9329	
8.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1020	
9.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724	
10.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723	
11.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759	
12.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận chuyển khách du lịch đường bộ	4932	
13.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021	
14.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022	
15.	Sản xuất rượu vang (không hoạt động tại trụ sở)	1102	
16.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác (không hoạt động tại trụ sở)	1621	
17.	Hoạt động chiếu phim	5914	
18.	Bán buôn gạo (không hoạt động tại trụ sở)	4631	
19.	In ấn	1811	
20.	Dịch vụ liên quan đến in	1812	
21.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931	
22.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933	
23.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621	
24.	Cho thuê xe có động cơ	7710	
25.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741	

Điều 3. Chấp thuận sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú
1.	Bán buôn thực phẩm	4632	

	<i>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác; Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh; Bán buôn mật ong</i>		
2.	Bán buôn đồ uống <i>Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn</i>	4633	
3.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại; Bán lẻ hàng hóa phi lương thực, thực phẩm chưa được phân vào nhóm nào; Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác; Bán lẻ kính đeo mắt, kể cả các hoạt động phục vụ cho việc bán lẻ kính mắt như đo độ cận, độ viễn, mài lắp kính; Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức; Bán lẻ tem (không hoạt động tại trụ sở)</i>	4773	
4.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống <i>Chi tiết: Mua bán hàng nông sản; lương thực: lúa mì – bột mì; hoa và cây cảnh (không hoạt động tại trụ sở)</i>	4620	
5.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) <i>Chi tiết: Dịch vụ tắm quất, xông hơi, xoa bóp, đấm lưng, vật lý trị liệu (không hoạt động tại trụ sở)</i>	9610	
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng, phụ kiện ngành may, thiết bị, máy móc ngành ảnh; Mua bán thiết bị xử lý nước (không hoạt động tại trụ sở)</i>	4659	
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá <i>Chi tiết: Đại lý thu đổi ngoại tệ, kiều hối; Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa</i>	4610	
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết: Mua bán đồ điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, bếp ga, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao, mỹ phẩm; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm</i>	4649	



*** Các ngành nghề khác đã đăng ký kinh doanh giữ nguyên không đổi.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý đạt: 98,34% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và theo dõi, kiểm tra thực hiện nội dung Nghị quyết này.

Điều 5. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành biểu quyết thông qua ngày 08 tháng 5 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT;
- BKS;
- Tổng Giám đốc;
- Lưu hồ sơ Đại hội;

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN NGỌC CHÂU